

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG HỢP NHẤT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG HỢP NHẤT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOP NHAT CONSTRUCTION AND TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HOP NHAT CONSTRUCTION AND TECHNOLOGY.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109825496

3. Ngày thành lập: 19/11/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 10 Ngách 58A/58 Phố Hoàng Đạo Thành, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0984178722

Fax:

Email: Xaydunghopnhatltd@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa trừ hoạt động đấu giá	4610
6.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn dụng cụ y tế; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu;	4649
8.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
9.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659

12.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng trang sức)	4662
13.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.	4663
14.	Khai thác và thu gom than cứng	0510(Chính)
15.	Khai thác và thu gom than non	0520
16.	Khai thác quặng sắt	0710
17.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
18.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
19.	Hoạt động tư vấn quản lý Trừ hoạt động tư vấn pháp luật, thuế, kế toán, kiểm toán, chứng khoán	7020

20.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; - Thiết kế kết cấu công trình; - Thiết kế điện - cơ điện công trình; - Thiết kế cấp - thoát nước; - Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; - Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; - Thiết kế phòng cháy - chữa cháy. - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ; - Lập dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Lập và thẩm tra các dự án đầu tư xây dựng công trình; - Tư vấn, lập hồ sơ mời thầu, phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu (không bao gồm lựa chọn nhà thầu và xác định giá gói thầu); - Tư vấn thẩm tra thiết kế các công trình - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy - Đo đạc và vẽ bản đồ địa hình và địa chính - Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình;	7110
21.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
22.	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
23.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
24.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Tư vấn về công nghệ khác; - Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý.	7490
25.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm (Loại nhà nước cho phép)	0730
26.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
27.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
28.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: + Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, grafit tự nhiên, và các chất phụ gia khác...	0899
29.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610

30.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
31.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
32.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
33.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
34.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
35.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
36.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
37.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
38.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
39.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
40.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
41.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
42.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn; - Sản xuất các thiết bị văn phòng bằng kim loại, trừ đồ đạc; - Sản xuất cửa an toàn, két, cửa bọc sắt...	2599
43.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
44.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
45.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
46.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
47.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
48.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
49.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
50.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
51.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
52.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
53.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
54.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
55.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
56.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
57.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
58.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
59.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819

60.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
61.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
62.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
63.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
64.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
65.	Xây dựng nhà để ở	4101
66.	Xây dựng nhà không để ở	4102
67.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
68.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
69.	Xây dựng công trình điện	4221
70.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
71.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
72.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
73.	Phá dỡ (Trừ hoạt động nổ bom, mìn)	4311
74.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động nổ bom, mìn)	4312
75.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
76.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
77.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
78.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
79.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
80.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
81.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
82.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
83.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh (loại Nhà nước cho phép)	4762
84.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
85.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

86.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh chi tiết: - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh;	4773
-----	--	------

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	LÊ VĂN TUYÊN	Việt Nam	Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	1.250.000.000	25,000	168359335	
2	BÙI NGỌC BẢO	Việt Nam	Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	1.250.000.000	25,000	001090005125	
3	NGUYỄN HỮU QUỐC	Việt Nam	Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	1.250.000.000	25,000	042088000023	
4	NGUYỄN VĂN PHONG	Việt Nam	Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	1.250.000.000	25,000	034080008496	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN HỮU QUỐC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/03/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 042088000023

Ngày cấp: 10/01/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Số 10 Ngách 58A/58 Phố Hoàng Đạo Thành, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 10 Ngách 58A/58 Phố Hoàng Đạo Thành, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội